

Số: 627/QĐ-HPC

Thành phố Huế, ngày 05 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án kỹ thuật - dự toán

Công trình: Sửa chữa lớn khắc phục thiên tai năm 2025

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐIỆN LỰC HUẾ

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-HĐTV ngày 14/3/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Điện lực Huế; Căn cứ quyết định số 472/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên EVNCPC về việc ban hành và sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của HPC;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐTV ngày 02/01/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc đổi tên của Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế;

Căn cứ bộ định mức dự toán sửa chữa công trình lưới điện ban hành kèm Quyết định số 203/QĐ-EVN ngày 27/10/2020 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định 3960/QĐ-EVNCPC ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc ban hành Quy định Quản lý kỹ thuật trong Tổng công ty Điện lực miền Trung;

Căn cứ văn bản số 5072/EVNCPC-KH của Tổng công ty Điện lực miền Trung ngày 09/7/2022 về việc Hướng dẫn lập dự toán SCL tài sản cố định

Căn cứ Quyết định số 3951/QĐ-EVNCPC ngày 31/5/2025 về việc ban hành Quy định về công tác Kế hoạch trong Tổng công ty Điện lực miền Trung;

Căn cứ Quyết định số 690/QĐ-HĐTV ngày 21/07/2025 của Tổng công ty Điện lực miền trung về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính kế toán trong Tổng công ty Điện lực miền trung;

Căn cứ hồ sơ phương án kỹ thuật - dự toán công trình Sửa chữa lớn khắc phục thiên tai năm 2025;

Căn cứ biên bản thẩm tra phương án kỹ thuật - dự toán công trình Sửa chữa lớn khắc phục thiên tai năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch và Vật tư, Trưởng phòng Kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án kỹ thuật - dự toán công trình Sửa chữa lớn khắc phục thiên tai năm 2025 với các nội dung sau:

I. Về quy mô và đặc điểm công trình:

A. Khu vực A Lưới:

1. Đường dây trung thế:

1.1. Đường dây 35kV Hương Nguyên – Bót Đỏ (372 Huế 1);

- Mã tài sản: 1.37013004.0004228;

- Địa điểm: Xã A Lưới 5, TP Huế.
- Năm đưa vào vận hành: 1998;
- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.
- Hiện trạng cần sửa chữa:

+ Sứ đứng tại vị trí 123_372 Huế 1 qua thời gian dài vận hành sử dụng đã suy giảm về cách điện, cần thiết phải thay thế để nâng cao ĐTC CCD.

+ Xà tại vị trí 123_372 Huế 1 qua thời gian dài vận hành sử dụng đã bị rỉ sét cần thiết phải thay thế.

+ Hệ thống chống sét 123_372 Huế 1 đã xuống cấp có trị số đo không đạt.

+ Cột hiện trạng tại các vị trí 123_372 Huế 1 qua thời gian dài vận hành sử dụng, trong quá trình xây dựng các công trình đường dân sinh, san ủi mặt bằng làm thay đổi dòng chảy đã bị sạt lở móng cột nên không đảm bảo vận hành an toàn và ổn định trong thời gian dài. Vậy việc sửa chữa là cần thiết để nâng cao ĐTC CCD.

1.2. Đường dây 22kV trực chính đi Hồng Vân thuộc XT 471 TG Bót Đỏ:

- MTS: 1.37013003.0003563
- Địa điểm: Xã A Lưới 1, TP Huế.
- Năm vận hành: 2003.
- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.
- Hiện trạng cần sửa chữa:

+ Vị trí 279 cột BTLT hiện trạng đã vận hành lâu năm xuống cấp, bong tróc bê tông, móng cột bị sạt lở đất không đảm bảo vận hành.

+ Cột các vị trí 280, 281 qua thời gian dài vận hành sử dụng, trong quá trình xây dựng các công trình dân sinh, san ủi mặt bằng chân cột bị lún, nâng cấp hệ thống đường nên không đảm bảo vận hành an toàn và ổn định trong thời gian dài. Vậy việc sửa chữa là cần thiết để nâng cao ĐTC CCD.

+ Sứ đứng tại các vị trí 279, VT280, VT281 qua thời gian dài vận hành sử dụng đã suy giảm về cách điện cần thiết phải thay thế để nâng cao ĐTC CCD.

+ Xà tại các vị trí 279, VT280, VT281 qua thời gian dài vận hành sử dụng đã bị rỉ sét cần thiết phải thay thế.

+ Hệ thống chống sét VT279 đã xuống cấp có trị số đo không đạt. Vậy việc sửa chữa là cần thiết để nâng cao ĐTC CCD.

1.3. Xuất tuyến 472 TG Bót Đỏ:

1.3.1. Đường dây 22kV trực chính đi Lâm Đót:

- MTS: 1.37013004.0004239
- Địa điểm: Xã A Lưới 4, TP Huế.
- Năm vận hành: 1999.
- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.

- Hiện trạng cần sửa chữa: Trong các đợt ngập lụt lớn từ ngày 27/10/2025 đến ngày 5/11/2025, mưa lớn, nước chảy thành dòng đã làm sạt lở gây đổ cột từ vị trí 472_134 đến vị trí 472_146A

+ Cách điện tại các vị trí 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_141; 472_142; 472_143; ;472_144; 472_145 hư hỏng, nứt vỡ bề mặt sứ do va đập mạnh.

+ Dây nhôm trần lõi thép 3xAC-70 với chiều dài tuyến từ vị trí 472_137 đến vị trí 472_145 là 748 mét; và dây nhôm trần lõi thép 3xAC-95 với chiều dài tuyến 191 mét từ vị trí 472_134 đến 472_137 vận hành lâu năm, xuống cấp do ảnh hưởng của mưa bão làm hư hỏng, đứt tao.

+ Xà tại các vị trí 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_141; 472_142; 472_143; 472_144; 472_145 bị hư hỏng, biến dạng do va đập, không đảm bảo điều kiện vận hành.

+ Xà và cách điện bị vỡ, nước cuốn trôi do cột gãy đổ không thu hồi được tại các vị trí 472_134; 472_135; 472_140A; 472_141A 472_142A; 472_143A; 472_144A; 472_145A; 472_146; 472_146A.

+ Cột các vị trí 472_134; 472_135; 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_140A; 472_141; 472_141A; 472_142; 472_142A; 472_143; 472_143A; 472_144; 472_144A; 472_145; 472_145A; 472_146; 472_146A hư hỏng, gãy đổ.

+ Hệ thống chống sét 472_134; 472_135; 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_140A; 472_141; 472_141A; 472_142; 472_142A; 472_143; 472_143A; 472_144; 472_144A; 472_145; 472_145A; 472_146; 472_146A đã bị xuống cấp, có trị số đo không đảm bảo điều kiện vận hành.

1.3.2. Đường dây 22kV đi A Roàng:

- MTS: 1.37013003.0004043

- Địa điểm: Xã A Lưới 4, TP Huế.

- Năm vận hành: 2003

- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.

- Hiện trạng cần sửa chữa: Trong các đợt ngập lụt lớn từ ngày 27/10/2025 đến ngày 5/11/2025, mưa lớn, nước chảy thành dòng đã làm sạt lở gãy đổ cột từ vị trí 472_145-1/1 đến vị trí 472_145-1/3C

+ Cột LT vị trí 472_145-1/1; 472_145-1/1A; 472_145-1/1B; 472_145-1/2; 472_145-1/2A; 472_145-1/2B; 472_145-1/3; 472_145-1/3A; 472_14-1/3B; 472_145-1/3C bị ảnh hưởng mưa lớn làm hư hỏng, gãy đổ.

+ Xà tại các vị trí 472_145-1/1; 472_145-1/2; 472_145-1/3 hư hỏng, biến dạng do va đập, không đảm bảo điều kiện vận hành.

+ Sứ cách điện tại các vị trí 472_145-1/1; 472_145-1/2; 472_145-1/3 hư hỏng, nứt vỡ bề mặt sứ thủy tinh do va đập mạnh.

+ Xà và cách điện tại các vị trí 472_145-1/1A; 472_145-1/1B; 472_145-1/2A; 472_145-1/2B; 472_145-1/3A; 472_14-1/3B; 472_145-1/3C bị dòng nước lũ chảy mạnh cuốn trôi do cột gãy đổ không thu hồi được.

+ Dây nhôm trần lõi thép 3xAC-95mm² và dây TK-35 chống sét đường dây 22kV hiện trạng với chiều dài tuyến từ vị trí 472_145-1/1 đến vị trí 472_145-1/3C là 448 mét đã vận hành lâu năm, xuống cấp do ảnh hưởng của mưa bão làm hư hỏng, đứt tao.

+ Hệ thống chống sét 472_145-1/1; 472_145-1/1A; 472_145-1/1B; 472_145-1/2; 472_145-1/2A; 472_145-1/2B; 472_145-1/3; 472_145-1/3A; 472_14-1/3B; 472_145-1/3C đã bị hư hỏng có trị số đo không đảm bảo điều kiện vận hành.

1.3.3. Đường dây 22kV đi Cửa khẩu A Đốt:

- MTS: 1.37013003.0003719

- Địa điểm: Xã A Lưới 4, TP Huế.

- Năm vận hành: 2004.

- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.

- Hiện trạng cần sửa chữa: Trong các đợt ngập lụt lớn từ ngày 27/10/2025 đến ngày 5/11/2025, mưa lớn, nước chảy thành dòng đã làm sạt lở gây đổ cột các vị trí 154/38, VT154/39A, VT154/39, VT154/40A

+ Cột LT tại các vị trí 154/38, VT154/39A, VT154/39, VT154/40A XT472 TG Bốt Đỏ vận hành lâu năm, gãy đổ, hư hỏng do ảnh hưởng của mưa lụt.

+ Xà tại các vị trí 154/38, VT154/39 hư hỏng, biến dạng do va đập, không đảm bảo điều kiện vận hành.

+ Cách điện tại các vị trí 154/38, VT154/39 hư hỏng, nứt vỡ bề mặt cách điện do va đập mạnh.

+ Xà, sứ bị nước cuốn trôi do cột gãy đổ không thu hồi được các vị trí 154/39A, VT154/40A.

+ Hệ thống chống sét tại các vị trí 154/38, VT154/39A, VT154/39, VT154/40A đã bị xuống cấp, có trị số đo không điều kiện vận hành.

2. Đường dây hạ thế:

2.1. Đường dây hạ thế TBA Hương Lâm 2:

- MTS: 1.37010104.0002395

- Địa điểm: Xã A Lưới 4, TP Huế.

- Năm vận hành: 2005.

- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.

- Hiện trạng cần sửa chữa:

+ Cột hiện trạng vị trí B2, B3 vận hành lâu năm hiện trạng đã xuống cấp, bong tróc bê tông không đảm bảo vận hành.

2.2. Đường dây hạ thế TBA A Ka 3:

- MTS: 1.37010104.0002834

- Địa điểm: Xã A Lưới 4, TP Huế.

- Năm vận hành: 2003

- Năm sửa chữa gần nhất: Chưa.

- Hiện trạng cần sửa chữa:

+ Cột LT-10.5m tại vị trí C9 vận hành lâu năm, bong tróc bê tông, móng bị sạt lở đất không đảm bảo vận hành.

+ Dây nhôm bọc 3xAV70+AV50 xuất tuyến C từ vị trí C8 đến C12 với chiều dài tuyến 232 mét vận hành lâu năm đã xuống cấp, nhiều điểm nổi, tróc vỏ cách điện không đảm bảo an toàn cần thiết phải sửa chữa thay thế.

B. Khu vực Nam Đông

Từ ngày 26/10/2025 đến sáng ngày 31/10/2025 trên địa bàn các xã Khe Tre, xã Nam Đông, xã Long Quảng, Thành phố Huế đã xảy ra mưa to và rất to một số nơi lượng mưa ghi nhận hơn 1000mm. Lưới điện Đội Quản lý điện Nam Đông đã xảy ra các hư hỏng như sau:

1. Xuất tuyến 471 TG Nam Đông

*** Đường dây trung thế K3 Hương Phú:**

- Mã tài sản cố định: 1.37013003.0003660

- Năm đưa vào vận hành: 2004
- Năm sửa chữa gần nhất: chưa
- Địa điểm: xã Khe Tre, Thành phố Huế.
- Hiện trạng lưới điện:

+ Vị trí 471TG.NDO_88: cột BTLT 10.5 m hiện trạng đã bị sới mòn phần móng cột và ngã đổ; xà rí sét biến dạng, cách điện hư hỏng nứt vỡ do va đập; hệ thống chống sét hư hỏng, trị số đo không đạt.

+ Vị trí 471TG.NDO_134, 471TG.NDO_138: cột BTLT 10.5 m hiện trạng đã ngã đổ, nhiều vết nứt dọc cột; xà rí sét biến dạng, cách điện hư hỏng nứt vỡ do va đập; hệ thống chống sét hư hỏng, trị số đo không đạt.

+ Vị trí 471TG.NDO_135, 471TG.NDO_137: cột BTLT 10.5 m hiện trạng đã ngã đổ, nhiều vết nứt dọc cột; xà rí sét biến dạng, cách điện hư hỏng nứt vỡ do va đập; hệ thống chống sét hư hỏng, trị số đo không đạt.

+ Dây dẫn từ vị trí 471TG.NDO_134 đến vị trí 471TG.NDO_138 (chiều dài tuyến 260 mét) sử dụng dây cáp nhôm lõi thép bọc cách điện bán phần ACV70-24kV đã hư hỏng cách điện, nhiều đoạn bị đứt, không đảm bảo điều kiện vận hành.

Nhằm đảm bảo điều kiện vận hành, việc sửa chữa, thay thế thiết bị, phụ kiện và thay thế cột xuống cấp tại vị trí nêu trên là cần thiết.

2. Xuất tuyến 473 TG Nam Đông

*** ĐZ TT đi Thượng Long**

- Mã tài sản cố định: 1.37013004.0003306
- Năm đưa vào vận hành: 2000
- Năm sửa chữa gần nhất: chưa
- Địa điểm: xã Long Quảng, thành phố Huế.
- Hiện trạng lưới điện:

+ Vị trí 473TG.NDO_178/1(FCO 473-7/178/1 đi Thượng Long): vị trí cột néo, sử dụng cột BTLT 14m đã bị sới mòn phần móng cột và ngã đổ; xà bị biến dạng và cách điện, FCO bị nứt vỡ, hư hỏng do va đập mạnh.

Nhằm đảm bảo điều kiện vận hành, việc sửa chữa, thay thế thiết bị, phụ kiện và thay thế cột xuống cấp tại vị trí nêu trên là cần thiết.

3. Xuất tuyến 373 La Sơn:

- Mã tài sản cố định: 1.37013004.0004222
- Năm đưa vào vận hành: 2019
- Năm sửa chữa gần nhất: chưa
- Địa điểm: xã Khe Tre, thành phố Huế.
- Hiện trạng lưới điện:

+ Vị trí 373LSO_200, 373LSO_257: vị trí néo II, sử dụng cột 2xBTLT 16m bị sập lờ, hư hỏng móng néo.

+ Vị trí 373LSO_254, Vị trí 373LSO_255, Vị trí 373LSO_256: vị trí néo II, sử dụng cột 2xBTLT 16m đã hư hỏng, gãy đổ; xà bị va đập mạnh làm biến dạng, hư hỏng; cách điện bị cuốn trôi theo dòng nước chảy siết, không thể thu hồi được.

+ Dây dẫn từ vị trí 373LSO-254 đến vị trí 373LSO-257 (chiều dài tuyến 269 mét) sử dụng cáp nhôm trần lõi thép ACSR 120mm² đã bị cuốn trôi theo dòng nước chảy siết, không thể thu hồi được.

Nhằm đảm bảo điều kiện vận hành, việc sửa chữa, thay thế thiết bị, phụ kiện và thay thế cột xuống cáp tại vị trí nêu trên là cần thiết

II. Nội dung sửa chữa:

A. Khu vực A Lưới:

1. Đường dây trung thế:

1.1. Đường dây 35kV Hương Nguyên – Bót Đỏ (372 Huế 1);

- Thay xà tại vị trí 123_Huế 1 bằng bộ xà mới để đảm bảo vận hành an toàn.
- Thay thế cột LT-14m tại vị trí 123_Huế 1 bằng cột BTLT mới, móng MT-4; dựng cột bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.
- Thay thế sứ đứng tại các vị trí 123_Huế 1 bằng 06 sứ đứng pinpost kèm ty 35kV.
- Sửa chữa hệ thống chống sét đã xuống cấp tại vị trí 123_Huế 1 bằng cách đóng các cọc V-63 mm dài 2,5 mét (không thu hồi cọc cũ).
- Thu hồi cột, xà, cách điện theo hiện trạng.

1.2. Đường dây 22kV trực chính đi Hồng Vân:

- Thay thế cột LT-12m tại vị trí 279 bằng cột BTLT mới, móng MT-3; dựng cột bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.
- Thay xà tại vị trí 279; 280; 281 bằng bộ xà mới để đảm bảo vận hành an toàn.
- Thay thế sứ đứng tại các vị trí 279; 280; 281 bằng 18 sứ đứng pinpost kèm ty 24kV.
- Lắp chụp đầu cột tại vị trí 280 và vị trí 281 để đảm bảo vận hành an toàn.
- Sửa chữa hệ thống chống sét đã xuống cấp tại vị trí 279 bằng cách đóng các cọc V-63 mm dài 2,5 mét (không thu hồi cọc cũ).
- Thu hồi cột, xà, cách điện theo hiện trạng.

1.3. Xuất tuyến 472 TG Bót Đỏ:

1.3.1. Đường dây 22kV trực chính đi Lâm Đốt:

- Thay thế cột LT tại các vị trí 472_134; 472_135; 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140A; 472_141; 472_142A; 472_143; 472_144; 472_144A bằng cột BTLT mới, sử dụng móng MT-3, tại các vị trí 472_141A; 472_142; 472_146 bằng cột BTLT mới, sử dụng móng MT-4. Các cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới
- Thay thế cột LT tại vị trí 472_140, 472_143A bằng cột đôi BTLT mới, sử dụng móng MTĐ-3, tại các vị trí 472_145; 472_145A; 472_146A bằng cột đôi BTLT mới, sử dụng móng MTĐ-4 và phụ kiện kèm theo để đảm bảo vận hành an toàn. Các cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.
- Thay thế dây nhôm trần lõi thép 3xAC-70 dài 748 mét (chiều dài tuyến) từ vị trí 472_137 đến 472_147 bằng cáp mới kèm các phụ kiện dây bọc;
- Thay thế dây nhôm trần lõi thép 3xAC-95 dài 191 mét (chiều dài tuyến) từ vị trí 472_133 đến 472_137 bằng cáp mới kèm các phụ kiện dây bọc;
- Thay xà tại các vị trí 472_134; 472_135; 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_140A; 472_141; 472_141A; 472_142; 472_142A; 472_143; 472_143A;

472_144; 472_144A; 472_145; 472_145A; 472_146; 472_146A bằng các bộ xà mới để đảm bảo vận hành an toàn.

- Thay sứ đứng tại các vị trí 472_134; 472_135; 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_140A; 472_141; 472_141A; 472_142; 472_142A; 472_143; 472_143A; 472_144; 472_144A; 472_145; 472_145A; 472_146; 472_146A bằng 63 sứ đứng pinpost kèm ty 24kV.

- Thay sứ chuỗi thủy tinh tại các vị trí 472_133; 472_134; 472_140; 472_143A; 472_145; 472_145A; 472_146A bằng 45 chuỗi cách điện thủy tinh 24kV kèm phụ kiện.

- Sửa chữa hệ thống chống sét không đạt trị số đo tại vị trí 472_134; 472_135; 472_136; 472_137; 472_138; 472_139; 472_140; 472_140A; 472_141; 472_141A; 472_142; 472_142A; 472_143; 472_143A; 472_144; 472_144A; 472_145; 472_145A; 472_146; 472_146A bằng cách đóng các cọc V-63 mm dài 2,5 mét (không thu hồi cọc cũ).

- Tại vị trí 472_145: thay thế hệ xà TBA cột II hiện trạng bằng hệ xà cột BTLT đôi dọc tuyến, lắp đặt lại MBA 160kVA, tủ hạ thế, FCO, CSV của TBA đảm bảo điều kiện vận hành.

- Thu hồi cột, xà, cách điện, dây dẫn theo hiện trạng.

1.3.2. Đường dây 22kV đi A Roàng:

- Thay thế cột LT tại các vị trí 472_145-1/1A, 472_145-1/1B, 472_145-1/2, 472_145-1/2B, 472_145-1/3, 472_145-1/3A, bằng cột BTLT mới, sử dụng móng MT-4 để đảm bảo vận hành an toàn. Các cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.

- Thay thế cột LT tại vị trí 472_145-1/1, 472_145-1/2A, 472_14-1/3B, 472_145-1/3C bằng cột đôi BTLT mới, sử dụng móng MTĐ-4. Các cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.

- Thay thế dây nhôm trần lõi thép 3xAC-95 dài 448 mét từ vị trí 472_145 đến 472_145/3C bằng cáp mới kèm các phụ kiện dây bọc;

- Thay xà tại các vị trí 472_145-1/1, 472_145-1/1A, 472_145-1/1B, 472_145-1/2, 472_145-1/2A, 472_145-1/2B, 472_145-1/3, 472_145-1/3A, 472_14-1/3B, 472_145-1/3C bằng bộ xà mới để đảm bảo vận hành an toàn.

- Thay sứ đứng tại các vị trí 472_145-1/1, 472_145-1/1A, 472_145-1/1B, 472_145-1/2, 472_145/2A, 472_145-1/2B, 472_145-1/3, 472_145-1/3A, 472_14-1/3B, 472_145-1/3C bằng 24 sứ đứng pinpost kèm ty 24kV.

- Thay sứ chuỗi thủy tinh tại các vị trí 472_145-1/1, 472_145-1/2A, 472_14-1/3B, 472_145-1/3C bằng 24 chuỗi cách điện thủy tinh 24kV kèm phụ kiện.

- Thay dây chống sét đường dây TK-35 dài 448m từ vị trí 145 đến vị trí 145-1/4 bằng dây chống sét TK-35 mới và kèm phụ kiện.

- Sửa chữa hệ thống chống sét không đạt trị số đo tại vị trí 472_145-1/1, 472_145-1/1A, 472_145-1/1B, 472_145-1/2, 472_145-1/2A, 472_145-1/2B, 472_145-1/3, 472_145-1/3A, 472_14-1/3B, 472_145-1/3C bằng cách đóng các cọc V-63 mm dài 2,5 mét (không thu hồi cọc cũ).

- Thu hồi cột, xà, cách điện, dây dẫn theo hiện trạng.

1.3.3. Đường dây 22kV đi Cửa khẩu A Đốt:

- Thay thế cột LT tại vị trí 154/39 bằng cột BTLT mới, sử dụng móng MT-3, tại các vị trí 154/37, 154/38, 154/39A bằng cột đôi BTLT mới, sử dụng móng MTĐ-3. Các cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.

- Thay xà tại các vị trí 154/37, 154/38, 154/39A, 154/39 bằng bộ xà mới để đảm bảo vận hành an toàn.

- Thay sứ đứng tại các vị trí 154/37, 154/38, 154/39A, 154/39 bằng 7 sứ đứng pinpost kèm ty 24kV.

- Thay sứ chuỗi thủy tinh tại các vị trí 154/37, 154/38, 154/39 bằng 12 chuỗi cách điện thủy tinh 24kV kèm phụ kiện.

- Sửa chữa hệ thống chống sét không đạt trị số đo tại vị trí 154/37, 154/38, 154/39A, 154/39 bằng cách đóng các cọc V-63 mm dài 2,5 mét (không thu hồi cọc cũ).

- Thu hồi cột, xà, cách điện theo hiện trạng.

2. Đường dây hạ thế:

2.1. Đường dây hạ thế TBA Hương Lâm 2:

- Thay thế cột CH 8m tại vị trí B2 bằng cột BTLT mới, sử dụng móng MT-1. Cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.

- Thay thế cột LT-10.5m tại vị trí B3 bằng cột đôi BTLT mới, sử dụng móng MTĐ-1. Cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới

- Chuyển hệ thống đo đếm khách hàng từ dây cũ sang cáp vắn xoắn mới.

- Thu hồi cột theo hiện trạng;

2.2. Đường dây hạ thế TBA A Ka 3:

- Thay thế cột LT-10.5m tại vị trí C9 bằng cột đôi BTLT mới, sử dụng móng MTĐ-1. Cột được dựng bằng phương pháp thủ công kết hợp với cơ giới.

- Thay thế dây nhôm bọc 3xAV70+AV50 xuất tuyến C từ VTC8 đến vị trí C12 với chiều dài tuyến 232 mét bằng cáp vắn xoắn ABC 4x70 mới kèm các phụ kiện dây bọc.

- Chuyển hệ thống đo đếm khách hàng từ dây cũ sang cáp vắn xoắn mới.

- Thu hồi cột, xà hạ thế, sứ hạ thế, cáp hạ thế theo hiện trạng.

B. Khu vực Nam Đông:

1. Xuất tuyến 471 TG Nam Đông

1.1. Tại vị trí 471TG.NDO_88:

- + Sử dụng cột 02 cột BTLT, móng MTĐ-4. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới

- + Thay thế 01 bộ xà trung thế; 06 sứ chuỗi thủy tinh 24kV; 02 sứ đứng 24kV.

- + Kéo rã, căng lại dây nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24 ACV70 khoảng cột 87-89 (chiều dài tuyến 117m)

- + Để đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, sửa chữa hệ thống chống sét bằng cách lắp đặt 6 cọc sắt V63x63x6 + dây sắt fi 12 (không thu hồi cọc cũ)

- + Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.

1.2 Xử lý cột vị trí 471TG.NDO_136: phương án thay thế khoảng cột từ vị trí 134 đến vị trí 138, dựng cột dọc đường bê tông liên thôn hiện trạng, thay thế dây hiện trạng bằng dây AC/XLPE-70mm² cụ thể:

*** Vị trí 471TG.NDO_134:**

- + Sử dụng 02 cột BTLT ghép đôi. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;

- + Móng: MTĐ-4

- + Thay thế 01 bộ xà trung thế; 06 sứ chuỗi thủy tinh 24kV; 01 sứ đứng 24kV.
- + Thu hồi cột, xà, cách điện, dây hiện trạng nhập kho Công ty.
- + Để đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, sửa chữa hệ thống chống sét bằng cách lắp đặt 6 cọc sắt V63x63x6 + dây sắt fđ 12 (không thu hồi cọc cũ)

*** Vị trí 471TG.NDO_135:**

- + Sử dụng 01 cột BTLT. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;
- + Móng: MT-4
- + Thay 01 xà trung thế và 06 sứ đứng 24kV.
- + Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.

*** Vị trí 471TG.NDO_136:**

- + Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.

*** Vị trí 471TG.NDO_137:**

- + Sử dụng 01 cột BTLT. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;
- + Móng: MT-4
- + Thay 01 xà trung thế và 6 sứ đứng 24kV.
- + Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.

*** Vị trí 471TG.NDO_138:**

- + Sử dụng 02 cột BTLT ghép đôi. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;
- + Móng: MTĐ-4
- + Thay 01 bộ xà trung thế; 6 sứ chuỗi thủy tinh 24kV và 01 sứ đứng 24kV.
- + Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.
- + Để đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, sửa chữa hệ thống chống sét bằng cách lắp đặt 6 cọc sắt V63x63x6 + dây sắt fđ 12 (không thu hồi cọc cũ)

* Thay thế dây cáp hiện trạng bằng cáp nhôm bọc lõi thép PVC/XLPE 12,7/24 ACV70 từ vị trí 471TG.NDO_134 đến vị trí 471TG.NDO_138 (chiều dài tuyến: 260m). Thu hồi cáp đến hiện trạng.

2. Xuất tuyến 473 TG Nam Đông

*** ĐZ TT đi Thượng Long:** Thay thế vị trí 178/1 cụ thể:

Vị trí 473TG.NDO_178/1:

- + Sử dụng 02 cột BTLT 20m ghép đôi. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;
- + Móng: MTĐ-5
- + Thay 01 bộ xà chuyển hướng cột BTLT đôi;
- + Thay 01 bộ xà FCO dây bọc cột BTLT đôi;
- + Thay thế 6 sứ chuỗi thủy tinh 22kV. Thay thế 02 sứ đứng 24kV;
- + Thay thế 03 FCO 24kV hiện trạng;
- + Kéo rã, căng lại dây hiện trạng từ vị trí 178 đến 178/2A (TBA Thượng Long 1);
- + Để đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, sửa chữa hệ thống chống sét bằng cách lắp đặt 9 cọc sắt V63x63x6 + dây sắt fđ 12 (không thu hồi cọc cũ)
- + Thu hồi cột, xà, cách điện, FCO hiện trạng nhập kho Công ty.

3. Xuất tuyến 373 La Sơn: phương án xử lý chi tiết các vị trí như sau:

*** Tại vị trí 373LSO_200:**

+ Sử dụng 03 móng neo MN15-5 lắp đặt để gia cố thay thế cho móng neo hư hỏng hiện trạng;

*** Tại vị trí 373LSO_254:**

+ Sử dụng 03 cột BTLT. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;

+ Móng: 3xMT-6

+ Thay thế 01 bộ xà neo góc cột II tim 5 mét 35kV và bách giằng thân cột;

+ Thay thế 6 sứ chuỗi thủy tinh 35kV;

+ Để đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, sửa chữa hệ thống chống sét bằng cách lắp đặt 6 cọc sắt V63x63x6 + dây sắt fđ 12 (không thu hồi cọc cũ)

+ Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.

*** Tại vị trí 373LSO_255:** Thu hồi cột và xà hiện trạng nhập kho Công ty.

*** Tại vị trí 373LSO_256:**

+ Sử dụng 03 cột BTLT. Dựng cột thủ công kết hợp cơ giới;

+ Móng: 3xMT-6

+ Thay thế 01 bộ xà neo góc cột II tim 5 mét 35kV và bách giằng thân cột;

+ Thay thế 6 sứ chuỗi thủy tinh 35kV; Thay thế 2 sứ đứng 35kV.

+ Để đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, sửa chữa hệ thống chống sét bằng cách lắp đặt 6 cọc sắt L63x63x6 + dây sắt fđ 12 (không thu hồi cọc cũ)

+ Thu hồi cột, xà, cách điện hiện trạng nhập kho Công ty.

*** Tại vị trí 373LSO_257:**

+ Sử dụng 01 móng neo MN15-5 lắp đặt để gia cố thay thế cho móng neo hư hỏng hiện trạng;

* Lắp đặt cáp nhôm trần lõi thép ACSR 120mm² từ vị trí 373LSO_254 đến vị trí 373LSO_256 (chiều dài tuyến: 269m) đảm bảo vận hành

III. Phần vật tư thu hồi:

Thu hồi VTTB sau sửa chữa, thay thế nhập về kho Công ty Điện lực Huế để phân loại và xử lý.

Điều 2. Phê duyệt dự toán với các nội dung sau:

STT	TÊN HẠNG MỤC	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT (10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
A	CHI PHÍ SỬA CHỮA	2.880.918.490	288.091.849	3.169.010.339
1	Chi phí vật liệu	1.505.386.763	150.538.676	1.655.925.440
1.1	Mua sắm vật liệu điện	1.381.418.269	138.141.827	1.519.560.096
1.2	Mua sắm vật liệu xây dựng	120.893.778	12.089.378	132.983.156
1.3	Vật liệu phụ trong SCL thi công	3.074.716	307.472	3.382.188
2	Chi phí nhân công	753.595.076	75.359.508	828.954.584
3	Chi phí máy thi công	47.222.480	4.722.248	51.944.728
4	Chi phí chung	489.836.799	48.983.680	538.820.479
5	Thu nhập chịu thuế tính trước	84.877.371	8.487.737	93.365.108

STT	TÊN HẠNG MỤC	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT (10%)	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
B	CHI PHÍ KHÁC	14.909.670	1.490.967	16.400.637
1	Chi phí thí nghiệm	14.909.670	1.490.967	16.400.637
vC	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	144.791.408	14.479.141	159.270.549
D	VẬT TƯ THU HỒI	65.544.368	0	65.544.368
E	TỔNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN (A+B+C+D-E)	2.975.075.199	304.061.957	3.279.137.156

Điều 3. Các ông Trưởng phòng liên quan, Đội trưởng Đội QLD Nam Đông, A Lưới căn cứ chức năng của mình thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- P. TCKT, TCNS;
- Đội QLD Nam Đông, A Lưới;
- Lưu: VT, KT, KHVT.

GIÁM ĐỐC

Phụ lục. Bảng tổng hợp vật tư thiết bị
Công trình: Sửa chữa lớn khắc phục thiên tai năm 2025

I. Vật tư thiết bị phân lắp đặt, sửa chữa (trước thuế):

TT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1.	Cột bê tông ly tâm DU'L 14-190-6,5 (TCVN 5847:2016)	Cột	16,00	4.254.000	68.064.000
2.	Cột bê tông ly tâm DU'L 14-190-11,0 (TCVN 5847:2016)	Cột	15,00	5.864.000	87.960.000
3.	Cột bê tông ly tâm nổi bích U'L 16-190-11,0 (TCVN 5847:2016)	Cột	16,00	14.650.000	234.400.000
4.	Cột bê tông ly tâm nổi bích U'L 16-190-13,0 (TCVN 5847:2016)	Cột	10,00	16.822.730	168.227.300
5.	Xà đỡ góc cột BTLT ĐG-35kV	Bộ	1,00	2.961.770	2.961.770
6.	Xà đỡ góc lệch cột BTLT ĐGL-10T	Bộ	5,00	1.819.750	9.098.750
7.	Xà néo góc đôi nạnh dọc tuyến cột BTLT NDN-D-10T	Bộ	8,00	3.027.310	24.218.480
8.	Xà néo đỡ góc nạnh cột BTLT ĐGN-10T	Bộ	4,00	2.647.700	10.590.800
9.	Xà néo tam giác cột đôi BTLT -NTG	Bộ	5,00	3.062.690	15.313.450
10.	Xà đỡ thẳng nạnh cột BTLT ĐTN-10T	Bộ	17,00	1.105.770	18.798.090
11.	Xà sứ đỡ cột đôi cách đỉnh cột 3.5m XSD-Đ-D-35	Bộ	1,00	464.580	464.580
12.	Xà đỡ MBA cột đôi XMBA-Đ-D	Bộ	1,00	2.548.230	2.548.230
13.	Xà cầu chì cột đôi XCC-Đ-D	Bộ	1,00	879.280	879.280
14.	Thanh chống MBA cột đôi TC-MBA-Đ-D	Bộ	1,00	2.054.447	2.054.447
15.	Giá giữ MBA cột đôi GG MBA-Đ-D	Bộ	1,00	296.090	296.090
16.	Giá đỡ tủ điện hạ thế cột đôi GĐTĐ-Đ-D	Bộ	1,00	1.510.320	1.510.320
17.	Chụp đầu cột BTLT tròn loại 2,7 mét (Loại thép ống tròn đường kính đỉnh cột 190mm)	Bộ	2,00	3.303.970	6.607.940
18.	Sứ đứng pinpost kèm ty 24kV	Bộ	131,00	325.000	42.575.000
19.	Sứ đứng pinpost kèm ty 35kV	Bộ	12,00	482.000	5.784.000
20.	Chuỗi cách điện treo bằng thủy tinh 70kN (loại 3 bát/chuỗi) kèm phụ kiện)	Chuỗi	105,00	505.000	53.025.000
21.	Tiếp địa ngọn TĐN-1	Bộ	36,00	15.544	559.584
22.	Tiếp địa R3C6	Bộ	40,00	2.840.040	113.601.600
23.	Tiếp địa RC24	Bộ	1,00	12.365.360	12.365.360
24.	Cáp nhôm bọc lõi thép XLPE 12,7/24kV AC 95/16 mm ²	Mét	1.936,17	38.400	74.348.928
25.	Cáp nhôm bọc lõi thép XLPE 12,7/24kV AC 70/11 mm ²	Mét	3.051,84	29.400	89.724.096

TT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
26.	Cáp nhôm bọc lõi thép XLPE 12,7/24kV AC 50/8 mm2	Mét	90,00	22.900	2.061.000
27.	Cáp nhôm bọc vện xoắn 0,6kV ABC 4x95 mm2	Mét	227,25	99.000	22.497.750
28.	Cáp nhôm bọc vện xoắn 0,6kV ABC 4x70 mm2	Mét	234,32	73.600	17.245.952
29.	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 35 mm2	Mét	30,00	89.800	2.694.000
30.	Cáp thép TK 35 mm2	Mét	452,48	7.100	3.212.608
31.	Giáp núu cáp AC/XLPE 70mm2 + Yếm cáp	cái	9,00	193.000	1.737.000
32.	Giáp núu cáp AC/XLPE 95mm2 + Yếm cáp	cái	12,00	185.000	2.220.000
33.	Cụm đầu rẽ cho dây bọc trung thế 70 mm2	cái	3,00	468.500	1.405.500
34.	Kẹp răng trung thế 70 mm2	cái	3,00	296.800	890.400
35.	Dây đồng cứng bọc 1 ruột 0.6/1kv VC 6,0 mm2	m	205,50	15.800	3.246.900
36.	Khóa néo dây TK 35-50	Cái	18,00	145.300	2.615.400
37.	Khóa đỡ dây TK 35-50	Cái	7,00	445.100	3.115.700
38.	Kẹp cáp thép dây TK 35-70 3 bu lông	Cái	34,00	47.200	1.604.800
39.	Khóa néo ép dây AC, ACSR 70	cái	45,00	246.400	11.088.000
40.	Khóa néo ép dây AC, ACSR 95mm	cái	24,00	381.000	9.144.000
41.	Khóa néo dây AC 3 bulong 25-70mm2	cái	12,00	97.400	1.168.800
42.	Kẹp cáp 3 bu lông nhôm 95mm2	Cái	38,00	37.200	1.413.600
43.	Đầu cốt ép đồng loại dài 1 lỗ M 70 mm2	cái	24,00	39.000	936.000
44.	Đầu cốt ép đồng loại dài 1 lỗ M 95 mm2	cái	12,00	55.000	660.000
45.	Khóa đỡ cáp ABC 4x70	Cái	7,00	26.000	182.000
46.	Khóa đỡ cáp ABC 4x95	Cái	24,00	29.000	696.000
47.	Khóa néo cáp ABC 4x95	Cái	12,00	52.000	624.000
48.	Khóa néo cáp ABC 4x70	Cái	6,00	46.200	277.200
49.	Móc treo cáp ABC đơn	Cái	49,00	38.000	1.862.000
50.	Ổng nối dây ABC 70 mm2	Cái	12,00	10.200	122.400
51.	Ổng nối dây ABC 95 mm2	Cái	20,00	22.000	440.000
52.	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-120/6-120 (2BL)	Cái	15,00	38.000	570.000
53.	Đai thép không rỉ 20x0,7	Mét	202,00	8.000	1.616.000
54.	Khóa đai thép 20 x 0,7	Cái	202,00	1.200	242.400
55.	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-95 (2BL)	Cái	48,00	30.400	1.459.200
56.	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-95 (1BL)	Cái	76,00	27.200	2.067.200
57.	Cáp nhôm bọc vện xoắn 0,6kV ABC 2x16 mm2	Mét	120,00	11.870	1.424.400

TT	TÊN VẬT TƯ THIẾT BỊ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
58.	Cột bê tông ly tâm DƯL 10-190-5,0 (TCVN 5847:2016)	Cột	5,00	2.287.000	11.435.000
59.	Cột bê tông ly tâm nổi bích DƯL 20-190-11,0 (TCVN 5847:2016)	Cột	8,00	15.218.000	121.744.000
60.	Tiếp địa R3C9	Bộ	1,00	4.227.720	4.227.720
61.	Thanh giằng cột Pi BTLT 20m	Bộ	4,00	3.098.650	12.394.600
62.	Xà néo góc đôi cột BTLT NG-Đ-D-10T	Bộ	2,00	2.449.630	4.899.260
63.	Xà chuyển hướng cột đôi BTLT XCH-Đ	Bộ	2,00	2.479.790	4.959.580
64.	Xà FCO + chống sét van cột đôi dây bọc XFCO-Đ-BD	Bộ	1,00	1.036.170	1.036.170
65.	Xà néo góc cột PI tim 5 mét 35kV	Bộ	2,00	6.759.610	13.519.220
66.	Cầu chì tự rơi 24kV 100A	Cái	3,00	1.000.000	3.000.000
67.	Chuỗi cách điện treo bằng thủy tinh 120kN (loại 4 bát/chuỗi) kèm phụ kiện	Chuỗi	12,00	800.000	9.600.000
68.	Dây néo TK không có sứ phân cách TK-50-16	Bộ	16,00	880.000	14.080.000
69.	Kẹp cáp 3 bu lông nhôm 120mm ²	Cái	12,00	37.200	446.400
70.	Ống nối dây ACSR 70 mm ²	cái	12,00	66.100	793.200
71.	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 120/19 mm ²	Mét	815,07	40.200	32.765.814
	TỔNG CỘNG				1.381.418.269

II. Vật tư thiết bị phần thu hồi:

Số TT	Vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1.	Cột LT-10,5m thu hồi	Cột	39,0	77.478	3.021.624
2.	Cột LT 12m thu hồi	Cột	11,0	96.847	1.065.316
3.	Cột LT 14m thu hồi	Cột	4,0	111.374	445.496
4.	Cột LT 16m thu hồi	Cột	8,0	145.485	1.163.876
5.	Xà đỡ góc thu hồi	Bộ	2,0	241.083	482.167
6.	Xà đỡ thẳng thu hồi	Bộ	9,0	133.519	1.201.674
7.	Xà đỡ vượt cột thu hồi	Bộ	2,0	151.130	302.259
8.	Xà néo góc thu hồi	Bộ	6,0	475.049	2.850.295
9.	Xà néo góc cột đôi thu hồi	Bộ	1,0	287.594	287.594
10.	Xà cột PI tim 2,5m thu hồi	Bộ	4,0	415.469	1.661.874
11.	Chụp đầu cột BTLT tròn loại 2,7 mét (Loại thép ống tròn đường kính đỉnh cột 190mm)	Bộ	6,0	699.074	4.194.447
12.	Xà chuyển hướng thu hồi	Bộ	1,0	524.689	524.689
13.	Xà đỡ MBA thu hồi cột II tim 2,5m	Bộ	1,0	577.888	577.888
14.	Xà tủ hạ thế thu hồi cột II tim 2,5m	Bộ	1,0	331.896	331.896
15.	Xà cầu chì tự rơi thu hồi cột II tim 2,5m	Bộ	1,0	342.327	342.327
16.	Xà sứ đỡ cột PI tim 2,5 thu hồi	Bộ	1,0	177.637	177.637

Số TT	Vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
17.	Sứ đứng 24kV kèm ty thu hồi	Bộ	57,0	2.455	139.907
18.	Sứ đứng 35kV kèm ty thu hồi	Bộ	6,0	3.068	18.409
19.	Sứ chuỗi thủy tinh 24kV thu hồi	Chuỗi	58,0	31.294	1.815.029
20.	Dây TK-35 chống sét thu hồi	Mét	452,5	2.771	1.253.619
21.	Dây nhôm trần lõi thép AC 70 thu hồi	Mét	2244,0	6.070	13.621.080
22.	Dây nhôm trần lõi thép AC 95 thu hồi	Mét	1917,0	8.290	15.891.930
23.	Dây AV50 thu hồi	Mét	232,0	3.966	920.112
24.	Dây AV70 thu hồi	Mét	696,0	5.552	3.864.192
25.	Cột CH 8m	Cột	1,0	62.951	62.951
26.	Sứ hạ thế thu hồi	Sứ	12,0	982	11.781
27.	Xà hạ thế X1 1 pha	Bộ	3,0	53.199	159.597
28.	Xà cầu chì ly tâm XCC	Bộ	1,0	184.387	184.387
29.	Cầu chì tự rơi 24kV	Bộ	3,0	30.389	91.166
30.	Xà chuyển hướng cột BTLT XCH-TH	Bộ	1,0	539.968	539.968
31.	Xà néo góc pi-3.0m-35kV NG-II-30-35kV-TH	Bộ	3,0	1.177.253	3.531.759
32.	Cách điện chuỗi polymer 22kV	Chuỗi	12,0	5.522	66.269
33.	Cáp nhôm lõi thép bọc cách điện bán phần ACV70-24kV-TH	Mét	780,0	6.078	4.741.152
	Tổng cộng				65.544.368